

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số: /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng  
6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy  
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của  
Ủy ban Thường vụ Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số  
1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc  
hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1256/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện,  
cấp xã của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính  
phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà  
nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô  
thị;

*Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 460/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 305/BC-KTNS ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính như sau:

### **1. Quan điểm**

Phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ; Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bền vững theo hướng đô thị hiện đại, xanh, văn minh, giàu bản sắc, phát triển bền vững gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị di sản. Tận dụng tối đa lợi thế phát triển từ các dự án kết cấu hạ tầng về giao thông, du lịch, dịch vụ đã có và đang nghiên cứu đầu tư. Hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp hài hòa giữa quá trình đô thị hóa, phát triển đô thị với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại nền kinh tế, quản lý phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thúc đẩy sản xuất và xây dựng đô thị thông minh, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và kinh tế đô thị. Xây dựng và hoàn thiện đồng

bộ hạ tầng về khoa học và công nghệ, tích hợp kết nối liên thông, trọng tâm là hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số nhằm chuyển đổi số toàn diện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

## **2. Mục tiêu phát triển**

Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển, nâng loại đô thị tỉnh giai đoạn đầu 05 năm và hàng năm đến năm 2025, giai đoạn 5 năm tiếp theo đến năm 2030 và sau năm 2030 theo Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt, có tính kế thừa các mặt tích cực của Chương trình phát triển đô thị tỉnh đến 2025.

Xây dựng lộ trình, dự kiến nguồn vốn nhằm cụ thể hóa những nhiệm vụ cần thực hiện (thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án) theo giai đoạn 05 năm và ưu tiên giai đoạn đầu (05 năm và hàng năm) để đạt được mục tiêu của Chương trình.

Xây dựng kế hoạch khắc phục và hoàn thiện những tiêu chí còn thiếu, còn yếu. Ngoài đảm bảo các tiêu chí quy định, các đô thị cần đảm bảo chất lượng đô thị, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

## **3. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

### **3.1. Giai đoạn đến 2025**

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2025 đạt 63,5%.
- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị: năm 2025 khoảng 27.000 - 29.000 ha; tỷ lệ đất xây dựng đô thị khoảng 14,6%.
- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đến năm 2025 đạt tối thiểu 12-18%.
- Diện tích đất cây xanh bình quân trên người dân đô thị đạt khoảng 6-8 m<sup>2</sup>.
- Diện tích nhà ở bình quân đầu người phân đầu tại khu vực đô thị đạt khoảng 31,2 m<sup>2</sup> sàn/người.
- Đến năm 2025, hạ tầng mạng Internet băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh.

### **3.2. Giai đoạn 2026 - 2030**

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2030 đạt 72-75%.

- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cơ bản đạt tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương, đóng vai trò là một cực phát triển quan trọng trong hệ thống đô thị của vùng Đông Nam Bộ; là trung tâm hướng ra biển, cửa ngõ ra biển của vùng Đông Nam Bộ, cơ cấu đô thị đa trung tâm; khu vực dự kiến thành lập thành phố đạt tiêu chí của đô thị loại I trực thuộc Trung ương được xác lập trên cơ sở các khu vực phát triển đô thị: Vũng Tàu, Bà Rịa, Phú Mỹ, Long Điền, Long Hải.

- Dự báo đất xây dựng đô thị: năm 2030 khoảng 40.000 - 45.000 ha. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị khoảng 22,65%.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đến năm 2030 đạt 18-26%.

- Diện tích đất cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8-10 m<sup>2</sup> vào năm 2030.

- Diện tích nhà ở bình quân đầu người phân đấu tại khu vực đô thị đạt khoảng 35,1 m<sup>2</sup> sàn/người.

- Đến năm 2030, phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn đạt 99%.

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại (bao gồm cả chất thải rắn y tế) được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị và chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%, trong đó chủ yếu xử lý thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn: tái chế, sản xuất phân bón và xử lý bằng công nghệ đốt - phát điện; đến năm 2030 tỉnh cơ bản không còn chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp, tỷ lệ tái chế rác thải hữu cơ đạt 100% ở cả khu vực đô thị và nông thôn.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định: trên 50% đối với các đô thị loại I và loại II; trên 30% đối với các đô thị loại III, loại IV và loại V.

### **3.3. Giai đoạn 2031 - 2050**

Bà Rịa - Vũng Tàu là trung tâm kinh tế biển quốc gia; trung tâm dịch vụ hàng hải của khu vực Đông Nam Á; trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế; một trong những trung tâm công nghiệp lớn của vùng Đông Nam Bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng hoàn thiện, hiện đại; môi trường sống an toàn, trong lành,

chất lượng cao; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, kinh tế phát triển hiệu quả theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp và thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0”. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2050 khoảng trên 90%.

#### **4. Lộ trình phân loại đô thị**

##### **4.1. Giai đoạn đến 2025**

Toàn tỉnh có 10 đô thị, gồm 3 thành phố và 7 thị trấn, cụ thể:

(1) Thành phố Vũng Tàu là đô thị loại I. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn còn yếu và thiếu.

(2) Thành phố Bà Rịa là đô thị loại II. Phân đấu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I.

(3) Thành phố Phú Mỹ là đô thị loại II.

(4) Thị trấn Long Hải, huyện Long Đất là đô thị loại V. Phân đấu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

(5) Thị trấn Long Điền, huyện Long Đất là đô thị loại V. Phân đấu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

(6) Thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức là đô thị loại V. Phân đấu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

(7) Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc là đô thị loại V. Phân đấu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

(8) Thị trấn Đất Đỏ, huyện Long Đất là đô thị loại V.

(9) Thị trấn Phước Hải, huyện Long Đất là đô thị loại V.

(10) Đô thị Kim Long, huyện Châu Đức là đô thị loại V.

##### **4.2. Giai đoạn 2026 - 2030**

Toàn tỉnh có 13 đô thị gồm 3 thành phố, 10 thị trấn và 1 đô thị sinh thái biển, cụ thể:

- Có 03 thành phố gồm:

(1) Thành phố Bà Rịa là đô thị loại II (đô thị tỉnh lỵ). Hoàn thiện và thực hiện đề án công nhận đô thị loại I;

(2) Thành phố Vũng Tàu là đô thị loại I;

(3) Thành phố Phú Mỹ là đô thị loại II.

- Có 10 thị trấn, gồm: 06 thị trấn hiện hữu (Long Điền, Long Hải, Ngãi Giao, Phước Bửu, Phước Hải), 01 thị trấn hiện là đô thị loại V chưa có Quyết định thành lập thị trấn (Kim Long) và 03 thị trấn hình thành trên cơ sở đô thị mới (xã Bình Châu, xã Hòa Bình, xã Phước Thuận) sẽ lập đề án công nhận đô thị loại V và thành lập thị trấn gồm:

- (1) Thị trấn Long Hải, huyện Long Đất - Đô thị loại IV;
  - (2) Thị trấn Long Điền, huyện Long Đất - Đô thị loại IV;
  - (3) Thị trấn Đất Đỏ, huyện Long Đất - Đô thị loại V;
  - (4) Thị trấn Phước Hải, huyện Long Đất - Đô thị loại V;
  - (5) Thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức - Đô thị loại V. Hoàn thiện và thực hiện đề án công nhận đô thị loại IV;
  - (6) Thị trấn Kim Long, huyện Châu Đức - Đô thị loại V;
  - (7) Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc - Đô thị loại V. Hoàn thiện và thực hiện đề án công nhận đô thị loại IV;
  - (8) Đô thị Bình Châu, huyện Xuyên Mộc - Đô thị loại V (đô thị mới);
  - (9) Đô thị Hòa Bình huyện Xuyên Mộc - Đô thị loại V (đô thị mới);
  - (10) Đô thị Hồ Tràm, huyện Xuyên Mộc - Đô thị loại V (đô thị mới);
- Có 01 đô thị sinh thái biển Côn Đảo.

#### **4.3. Định hướng giai đoạn sau 2030**

Bà Rịa - Vũng Tàu phấn đấu đạt tiêu chuẩn đô thị loại 1, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức lập các thủ tục hình thành thành phố, các quận, thị xã và huyện trực thuộc trong đó:

- Khu vực nội thành dự kiến gồm:

- (1) Thành phố Bà Rịa;
- (2) Thành phố Vũng Tàu;
- (3) Thành phố Phú Mỹ;
- (4) Thị trấn Long Hải;
- (5) Thị trấn Long Điền;
- (6) Thị trấn Đất Đỏ;
- (7) Thị trấn Phước Hải.

- *Đô thị thuộc đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc gồm:*

- (1) Thị trấn Ngãi Giao (huyện Châu Đức) - Đô thị loại IV;
- (2) Thị trấn Kim Long (huyện Châu Đức) - Đô thị loại V;
- (3) Thị trấn Phước Bửu (huyện Xuyên Mộc) - Đô thị loại IV;
- (4) Thị trấn Bình Châu (huyện Xuyên Mộc) - Đô thị loại V;
- (5) Thị trấn Hòa Bình (huyện Xuyên Mộc) - Đô thị loại V;
- (6) Thị trấn Hồ Tràm (huyện Xuyên Mộc) - Đô thị loại V;
- (7) Thị trấn mới Cù Bị (huyện Châu Đức) - Đô thị loại V (đô thị mới);
- (8) Thị trấn mới Suối Nghệ (huyện Châu Đức) - Đô thị loại V (đô thị mới);

- *Có 01 đô thị sinh thái biển Côn Đảo.*

Sau khi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt trình độ phát triển là đô thị loại I và được công nhận là thành phố trực thuộc Trung ương, việc đánh giá, rà soát phân loại đô thị đối với từng khu vực sẽ được thực hiện theo tình hình điều kiện thực tế và các quy định pháp luật liên quan.

## **5. Danh mục thứ tự ưu tiên đầu tư phát triển đô thị, kế hoạch và nhu cầu vốn**

### **5.1. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển đô thị**

- *Nhóm 1:* các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các dự án khác đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

- *Nhóm 2:* một số chương trình, đề án cấp quốc gia có liên quan (nếu có) và cấp tỉnh đang triển khai hoặc đề xuất mới về phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, giảm phát thải, phát triển đô thị thông minh hoặc các chương trình, đề án cấp quốc gia, cấp tỉnh khác để cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển bền vững hệ thống đô thị của tỉnh.

- *Nhóm 3:* nhóm các dự án khắc phục tiêu chuẩn chưa đạt từng đô thị theo kế hoạch nâng loại đô thị đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030, trong đó có cả các tiêu chí chưa đạt cho cấp đô thị hiện hữu và các tiêu chí chưa đạt cho cấp đô thị định hướng đến năm 2030.

### **5.2. Kế hoạch vốn và nhu cầu vốn**

#### **5.2.1. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các chương trình cho các giai đoạn đến năm 2030 khoảng 414.931 tỷ đồng. Trong đó:

+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật khung khoảng 247.817 tỷ đồng, chiếm 59,72%.

+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các công trình hạ tầng xã hội đô thị khoảng 26.170 tỷ đồng, chiếm 6,31%.

+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các chương trình, đề án, lập quy hoạch khoảng 200 tỷ đồng, chiếm 0,05%.

+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế khoảng 140.743 tỷ đồng, chiếm 33,92%.

#### 5.2.2. Khái toán theo giai đoạn:

- Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 87.308 tỷ đồng; chiếm 21,04%.

- Tổng kinh phí giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 327.622 tỷ đồng; chiếm 78,96%.

#### 5.2.3. Dự kiến từ các nguồn vốn:

- Nguồn vốn Ngân sách khoảng 101.932 tỷ đồng, chiếm 24,57%. Trong đó:

+ Giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 45.141,23 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 56.791,3 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngoài ngân sách khoảng 312.999 tỷ đồng, chiếm 75,43%.

Trong đó:

+ Giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 42.167,70 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 270.831,31 tỷ đồng.

*(Tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án sẽ được tính toán và xác định cụ thể trong từng giai đoạn tùy vào khả năng huy động nguồn vốn).*

## 6. Giải pháp thực hiện

- Giải pháp cơ chế chính sách.
- Giải pháp phát triển và đào tạo nguồn nhân lực.
- Giải pháp về quy hoạch, quản lý phát triển đô thị.
- Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp với các quy hoạch quốc gia, quy

hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng Đông Nam Bộ, Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Hai Mươi Bốn thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, SXD, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Viết Thanh**